

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 29 - 11 - 2021
“V/v Tranh chấp ly hôn, chia tài
sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Thành Vũ.

Ông Trương Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/7/2021, Thông báo dời phiên tòa số 99/TB-TA ngày 21/7/2021, Thông báo về việc mở phiên tòa số 135/TB-TA ngày 23/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2021, Thông báo dời phiên tòa số 147/TB-TA ngày 06/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2021, Thông báo dời phiên tòa số 165/TB-TA ngày 10/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn O**, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị U**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm C, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn O trình bày:**

Ông và bà Huỳnh Thị U có đăng ký kết hôn vào ngày 05/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Khi mới kết hôn vợ chồng ông chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa ông và bà U thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hai người đã ly thân từ ngày 20/3/2021 đến nay. Mâu thuẫn giữa ông và bà U không có ai biết. Trong thời gian chung sống ông và bà Huỳnh Thị U không có con chung với nhau.

Về tài sản chung giữa ông và bà Huỳnh Thị U có 01 chiếc xe honda Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843, xe này được mua ngày 10/9/2019 trị giá xe khi mua và cộng thêm tiền làm giấy tờ xe tổng cộng là 21.800.000 đồng; tiền mặt 15.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K. Trong đó, 07 chỉ vàng cho vào ngày cưới gồm 01 chiếc lắc trọng lượng 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 03 chỉ và 01 chiếc nhẫn trọng lượng 01 chỉ. Còn lại chiếc nhẫn 01 chỉ là do ông và bà U mua khi đi làm thuê ở tỉnh Long An. Hiện toàn bộ các tài sản chung hiện nay do bà U quản lý. Về nợ chung: ông và bà Huỳnh Thị U không có nợ chung.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị U
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: ông yêu cầu Tòa án chia đôi các tài sản chung gồm là 01 chiếc xe honda Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843, trị giá xe là 21.800.000 đồng; 08 chỉ vàng 24K và số tiền mặt là 15.000.000 đồng. Ông yêu cầu được nhận giá trị theo quy định. Đối với số vàng thì ông yêu cầu được nhận tiền với giá trị là 5.000.000 đồng/01 chỉ vàng 24k. Tổng cộng 04 chỉ vàng 24k là 20.000.000 đồng.
- Về nợ chung: Ông không yêu cầu xem xét và giải quyết.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Ông không yêu cầu xem xét và giải quyết.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2021 bị đơn bà Huỳnh Thị U trình bày:**

Bà thống nhất với lời trình của ông Nguyễn Văn O về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và tài sản chung. Trong cuộc sống hằng ngày thì giữa bà với ông O thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện nay bà cũng không còn tình cảm với ông O nên ông O yêu cầu ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý ly hôn vì cuộc sống không có hạnh phúc.

Về tài sản chung, bà cũng thống nhất với lời trình bày của ông O là hai vợ chồng có 01 chiếc xe honda Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843, tiền mặt là 15.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K bao gồm 01 chiếc lắc trọng lượng 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền trọng lượng 03 chỉ và 02 chiếc nhẫn trọng lượng mỗi chiếc là 01 chỉ. Số tài sản chung sau khi ly thân là do bà quản lý. Bà đồng ý chia đôi giá trị chiếc xe cho ông O là 10.900.000 đồng và 7.500.000 đồng tiền mặt. Đối với 08 chỉ vàng 24k thì bà đã bán hết cách đây khoảng 03 tháng, mục đích bán vàng là để lấy

tiền trị bệnh đau cột sống của bà. Bà bán vàng nhiều lần, nhiều tiệm vàng khác nhau nên không nhớ cụ thể thời gian bán và địa điểm bán vàng, vì khi bán vàng bà không có giữ bất kỳ giấy tờ gì. Bà cũng không nhớ chính xác là bán được tổng cộng bao nhiêu tiền. Khi bà bán vàng thì không có cho ông O biết vì không liên lạc được. Do lúc đó ông O đã về quê còn bà vẫn đi làm thuê. Khi bà trị bệnh thì không có nằm viện mà đi khám bác sĩ bên ngoài nên không có giấy tờ trị bệnh gì. Do đó, đối với yêu cầu của ông O về việc chia đôi số vàng 08 chỉ vàng 24K thì bà không đồng ý.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

- Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông O về việc xin ly hôn với bà U; Về tài sản chung đề nghị chia đôi tài sản chung gồm: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28.843 trị giá là 21.800.000 đồng, 15.000.000 đồng và 08 chỉ vàng 24K trị giá mỗi chỉ là 5.000.000 đồng; Do bị đơn đang quản lý tài sản chung nên đề nghị HĐXX buộc bị đơn có nghĩa vụ trả giá trị tài sản được chia cho nguyên đơn; Về con chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung đồng thời bị đơn có địa chỉ khóm C, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn và bị đơn thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/01/2019. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 39/2011 ngày 05/01/2019 (BL 13) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hiện giữa hai người đã ly thân với nhau. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia

sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn và kiên quyết xin ly hôn. Đồng thời, tại phiên hòa giải ngày 16/6/2021 bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Các đương sự đều thống nhất là không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tài sản chung gồm: 01 chiếc xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28.843 giá trị 21.800.000 đồng; 08 chỉ vàng 24K và 15.000.000 đồng đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn yêu cầu chia đôi tất cả các tài sản chung nêu trên. Bị đơn chỉ đồng ý chia đôi giá trị xe và số tiền 15.000.000 đồng. Riêng đối 08 chỉ vàng 24K thì bị đơn không đồng ý chia. Xét thấy, theo bị đơn thì hiện số vàng không còn, do bị đơn đã bán để trị bệnh. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là có cơ sở. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia đôi tài sản chung là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xin nhận giá trị tài sản được chia, nhận thấy: Các đương sự thống nhất chiếc xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843 có giá là 21.800.000 đồng; đối với 08 chỉ vàng 24K nguyên đơn yêu cầu được nhận giá trị mỗi chỉ vàng tương đương là 5.000.000 đồng. Xét thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo thị trường giá vàng 24K là 5.200.000 đồng. Mặc dù, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nhưng giá vàng nguyên đơn đưa ra là thấp hơn giá thị trường và có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận và xác định 01 chỉ vàng 24k có giá là 5.000.000 đồng để thực hiện nghĩa vụ của các bên. Tài sản được chia cụ thể như sau: Chia cho nguyên đơn giá trị 1/2 chiếc xe honda Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843 là 10.900.000 đồng. Giao cho bị đơn được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843, Chia đôi 08 chỉ vàng 24K, mỗi người nhận 04 chỉ vàng 24K (tương đương 20.000.000 đồng), chia đôi số tiền 15.000.000 đồng, mỗi người nhận 7.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản được chia cho mỗi người là 38.400.000 đồng. Do bị đơn đang quản lý tài sản nên buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản được chia cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung, bị đơn chịu án phí chia tài sản chung

theo quy định tại điểm a, b khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 và khoản 2, khoản 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn O được ly hôn với bị đơn bà Huỳnh Thị U.

2. Về con chung: không có, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1 Chia cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn O các tài sản như sau: giá trị 50% chiếc xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843 là 10.900.000 đồng; 04 chỉ vàng 24k (tương đương 20.000.000 đồng) và 7.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ông O được chia là 38.400.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

3.2 Chia cho bị đơn bà Huỳnh Thị U các tài sản như sau: giá trị 50% chiếc xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843 là 10.900.000 đồng; 04 chỉ vàng 24k (tương đương 20.000.000 đồng) và 7.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà U được chia là 38.400.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Giao cho bà U được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe gắn máy hiệu Wave Alpha biển kiểm soát 83E1-28843.

3.3 Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị U có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản được chia cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn O tổng cộng là 38.400.000 đồng (ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và tiền án phí chia tài sản chung là 1.920.000 đồng tổng cộng là 2.220.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) nhưng

được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông O đã nộp 1.560.000 đồng (*một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007775 ngày 18/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn O còn phải nộp thêm số tiền án phí sơ thẩm là 660.000 đồng (*sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Bị đơn bà Huỳnh Thị U phải chịu án phí chia tài sản chung là 1.920.000 đồng (*một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND phường B, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn